

Số: 06/2024/QĐCNTTLH

Mù Cang Chải, ngày 08 tháng 3 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ**  
**SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HOÀ GIẢI TẠI TÒA ÁN**

Căn cứ vào Điều 32, 33, 34, 35 của Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 55, 59, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của chị **Lờ Thị M** và anh **Giàng A D**.

*Sau khi nghiên cứu:*

- Đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 01 năm 2024 về việc yêu cầu ly hôn của chị **Lờ Thị M**, sinh năm 1991;

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 21 tháng 01 năm 2024 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

+ Chị **Lờ Thị M**, sinh năm 1991

+ Anh **Giàng A D**, sinh năm 1991

Cùng địa chỉ: **bản H, xã L, huyện M, tỉnh Yên Bái**.

+ Phòng giao dịch **Ngân hàng Chính sách xã hội huyện M**, tỉnh Yên Bái; Đại diện theo pháp luật: Ông **Bùi Văn H** - Chức vụ Giám đốc; Địa chỉ: **Tổ C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Yên Bái**

- Các tài liệu kèm theo biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi nhận trong biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 21 tháng 02 năm 2024 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi nhận trong biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 21 tháng 02 năm 2024, cụ thể như sau:

*1.1. Về quan hệ hôn nhân:*

Chị **Lờ Thị M** và anh **Giàng A D** thuận tình ly hôn.

*1.2. Về con chung:*

- Giao cho chị **Lờ Thị M** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu **Giàng Thị S**, sinh ngày 13 tháng 07 năm 2010 và cháu **Giàng Thị B**, sinh ngày 12 tháng 09 năm 2014.

- Giao cho anh **Giàng A D** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu **Giàng A H1**, sinh ngày 02 tháng 01 năm 2008 và cháu **Giàng Thị T**, sinh ngày 08 tháng 05 năm 2013.

Không ai phải cấp dưỡng về việc nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

*1.3. Về tài sản chung:*

- Chị **Lờ Thị M** được quyền quản lý, sử dụng, sở hữu tài sản gồm:

+ 01 mảnh đất ruộng: Gồm 07 thửa, có diện tích khoảng 1.500 m<sup>2</sup>, xung quanh giáp ranh với đất ruộng hộ ông **Giàng A C** (Bố anh **D**) nương tảo của ông **Sùng A L**; chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; trị giá 50.000.000,đ (Năm mươi triệu đồng); địa chỉ: **bản H, xã L, huyện M, tỉnh Yên Bái**.

+ 01 Chiếc máy cày, cũ, đã qua sử dụng, trị giá 4.000.000,đ (Bốn triệu triệu đồng)

+ 01 Chiếc máy khâu, cũ, đã qua sử dụng, trị giá 1.500.000,đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng)

- Anh **Giàng A D** được quyền quản lý, sử dụng, sở hữu số tài sản gồm:

+ 01 bộ khung nhà gỗ 03 gian; lịa ván gỗ Pơ Mu, lập Prôxi măng; trị giá 25.000.000,đ (Hai mươi năm triệu đồng); Hiện đang dựng tạm trên nền đất của ông **Giàng A C1**; địa chỉ: **bản H, xã L, huyện M, tỉnh Yên Bái**.

+ 01 bộ khung nhà gỗ 03 gian; toàn bộ cột bằng gỗ Pơ Mu, xà và kèo bằng gỗ Pơ **M1** và gỗ tạp; trị giá 40.000.000,đ (Bốn mươi triệu đồng); hiện đang để ở **bản H, xã L, huyện M, tỉnh Yên Bái**, chưa dựng.

+ 01 chiếc xe máy; loại xe nữ, nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát 21G1-174.95 mang tên **Giàng A D**; trị giá 10.000.000,đ (Mười triệu đồng).

+ 02 bộ bàn ghế Pơ mu tròn, chưa làm hoàn thiện, mỗi bộ 3.000.000đ, tổng trị giá 6.000.000,đ (Sáu triệu đồng).

*1.3. Về Nợ chung:*

Anh **Giàng A D** có nghĩa vụ trả toàn bộ gốc và lãi khoản nợ 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) cho **Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện M**, tỉnh Yên Bái theo hợp đồng đã ký kết.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Mù Cang Chải;
- THADS huyện Mù Cang Chải;
- Các bên tham gia hòa giải;
- UBND xã Lao Chải huyện MCC;
- Lưu: TA.

**THẨM PHÁN**

**Lý A Hờ**